

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1130* /UBND-NC

Đắk Lắk, ngày *07* tháng 02 năm 2018

V/v thực hiện Báo cáo
số 32/BC-BTP ngày 29/01/2018
của Bộ Tư pháp

Kính gửi: Sở Tư pháp.

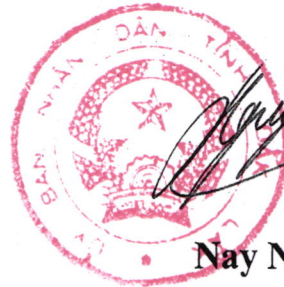
Thực hiện nội dung Phần thứ hai (Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật quốc tịch) của Báo cáo số 32/BC-BTP ngày 29/01/2018 của Bộ Tư pháp, về tổng kết thi hành Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

Giao Sở Tư pháp chủ động nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm thuộc UBND tỉnh, được nêu tại Báo cáo nói trên và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư pháp theo quy định./.

Nơi nhận: *4*

- Như trên ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh:
NV, TC, BCHQS, CA,TTTT;
- VP UBND tỉnh: LđVP;
- + P: TH, TTTHCB;
- Lưu: VT,NCm. 20

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nay Nguyễn
Nay Nguyễn

Số: 32 /BC-BTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

**Tổng kết thi hành Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008
và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: ... 178 ...
ĐẾN 05-02-2018
Chuyên:

Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008¹ (sau đây gọi là Luật quốc tịch) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 13/11/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009 và thay thế Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998. Sau hơn 8 năm triển khai thi hành cho thấy, Luật quốc tịch đã phát huy tốt vai trò điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quốc tịch; tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc xác định quốc tịch Việt Nam; giải quyết kịp thời các yêu cầu xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam. Luật quốc tịch đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, hiện thực hóa chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó của cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài với quê hương, đất nước. Luật quốc tịch và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (sau đây gọi chung là văn bản hướng dẫn thi hành) đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong lĩnh vực quốc tịch, tạo thuận lợi, dễ dàng cho việc nhập quốc tịch Việt Nam (trên cơ sở miễn, giảm nhiều điều kiện) đối với một số lượng lớn người không quốc tịch cư trú trên lãnh thổ Việt Nam từ hàng chục năm qua², được dư luận quốc tế đánh giá cao³. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đến nay cho thấy đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế.

Để đánh giá một cách khách quan, toàn diện tình hình thi Luật quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành (những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế), từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục tạo sự chuyển biến tích cực cho công tác quốc tịch, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Công văn số 2900/VPCP ngày 15 tháng 12 năm 2016, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành⁴.

¹ Ngày 24/6/2014, Quốc hội khóa XIII thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch 2008. Theo đó, đã sửa đổi, bổ sung 1 Điều (Điều 13) và bãi bỏ khoản 3 Điều 26 về đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam.

² Chủ yếu là người Campuchia tỵ nạn.

³ Thời gian qua, UNHCR coi Việt Nam như một quốc gia điển hình: trong khu vực giải quyết tốt quyền có quốc tịch của người không quốc tịch sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

⁴ Quyết định số 733/QĐ-BTP ngày 25/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Ngày 24/11/2017, tại Hà Nội, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức Hội nghị tổng kết Luật quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo tổng kết của các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các ý kiến tham gia tại Hội nghị Tổng kết, Bộ Tư pháp xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổng kết thi hành Luật quốc tịch và các văn bản hướng dẫn, gồm các nội dung sau đây:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT QUỐC TỊCH VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch

Để triển khai thi hành Luật quốc tịch, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 10 văn bản hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch (gồm 2 Nghị định, 3 Thông tư liên tịch và 5 Thông tư - chi tiết đề nghị xem Phụ lục số 1 kèm theo). Về cơ bản, hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch đã được ban hành đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước và người dân thực hiện.

2. Về tổ chức triển khai thi hành Luật quốc tịch

Việc triển khai thi hành Luật quốc tịch đã được Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và UBND các tỉnh thực hiện nghiêm túc, bài bản và hiệu quả.

- Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch (kèm theo Quyết định số 4204/QĐ-BTP ngày 29/12/2008) triển khai Luật quốc tịch⁵, trong đó có đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là CQDD) lưu ý thêm một số vấn đề quan trọng khi thực hiện Luật quốc tịch.

- Bộ Ngoại giao đã ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai thi hành Luật quốc tịch đến các CQDD, đồng thời mở các lớp tập huấn về công tác quốc tịch và công tác lãnh sự cho các cán bộ lãnh sự trước khi nhận nhiệm vụ tại CQDD⁶.

⁵ Kế hoạch này đã giao nhiệm vụ cụ thể (lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành) cho từng bộ, đơn vị thuộc bộ có liên quan (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp) trong triển khai thực hiện Luật quốc tịch năm 2008.

⁶ 100% cán bộ đảm nhận công tác lãnh sự tại CQDD đều được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh sự trước khi đi công tác nhiệm kỳ.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật quốc tịch⁷, Quyết định công bố thủ tục hành chính về quốc tịch theo quy định. Nhiều địa phương ban hành Kế hoạch riêng về giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam cho người không quốc tịch cư trú ổn định tại Việt Nam từ 20 năm trở lên theo Điều 22 của Luật quốc tịch.

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật quốc tịch cũng được Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và UBND các tỉnh tiến hành thường xuyên.

Cùng với đó, việc kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác quốc tịch cũng được các bộ, ngành và các tỉnh quan tâm. Tại Bộ Tư pháp, công tác quốc tịch được giao cho Phòng Quản lý quốc tịch (thuộc Vụ Hành chính tư pháp trước đây, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực hiện nay). Tại Bộ Ngoại giao, công tác quốc tịch được giao cho Cục Lãnh sự - đơn vị chủ trì hướng dẫn, theo dõi và quản lý việc thực hiện quốc tịch tại các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời bố trí cán bộ lãnh sự có đủ năng lực, kiến thức và kinh nghiệm xử lý công việc liên quan đến quốc tịch tại CQĐD, nhất là tại địa bàn có đông người Việt Nam sinh sống.

Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ đã phân công đơn vị đầu mối (Vụ Pháp luật) làm công tác quốc tịch. Tại UBND cấp tỉnh, công tác quốc tịch được giao cho Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối thực hiện. Tại mỗi Sở Tư pháp đều có Phòng Hành chính tư pháp – là đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quốc tịch (*riêng Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp thành lập Phòng Hộ tịch - Quốc tịch chuyên trách tham mưu, xử lý các vấn đề về quốc tịch*).

Trong năm 2009 Bộ Tư pháp đã tổ chức 2 lớp tập huấn (tại 2 miền) cho cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác quốc tịch của UBND cấp tỉnh và Sở Tư pháp. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức một số lớp tập huấn cho các cán bộ ngoại giao làm công tác quốc tịch tại các CQĐD.

3. Về kết quả giải quyết hồ sơ quốc tịch

- Từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/3/2017 Bộ Tư pháp đã phối hợp các bộ, ngành hữu quan trình Chủ tịch nước xem xét, giải quyết cho 5.025 trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam; 62.315 trường hợp được thôi quốc tịch Việt Nam,⁸ 71 trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam⁹ (*chi tiết đề nghị xem Phụ lục số 2 kèm theo*). Việc nhập quốc tịch Việt Nam chủ yếu được giải quyết cho người không quốc tịch cư trú ổn định tại Việt Nam theo Điều 22 của Luật; còn

⁷ Có 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật quốc tịch năm 2008; 3/63 địa phương không ban hành Kế hoạch nhưng có báo cáo tình hình triển khai thực hiện (thành phố Hải Phòng, Phú Thọ, Đắk Nông).

⁸ Trong số này, số hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam tập trung đông ở địa bàn Đức, Đài Loan, Hàn Quốc, Na Uy, Nhật Bản - những nước theo nguyên tắc một quốc tịch. Bên cạnh đó, cũng có số ít công dân Việt Nam cư trú ở trong nước cũng làm thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài (số này chủ yếu là trẻ em xin thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch theo quốc tịch của cha hoặc mẹ là người nước ngoài).

⁹ hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam tập trung ở địa bàn Đài Loan (là những chị em lấy chồng người Trung Quốc (Đài Loan) đã thôi quốc tịch Đài Loan nhưng chưa được nhập quốc tịch Đài Loan), CH Séc (do Séc có thay đổi về pháp Luật quốc tịch cho phép công dân nước ngoài đồng thời có quốc tịch Séc mà không phải thôi quốc tịch gốc).

lại số rất ít là công dân nước ngoài (là người có vợ/chồng là công dân Việt Nam và còn lại là vận động viên thể thao nhập quốc tịch để thi đấu cho các câu lạc bộ trong nước¹⁰ – chi tiết đề nghị xem Phụ lục số 3 kèm theo).

- Các Sở Tư pháp trong cả nước và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã cấp 15.058 Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; 1.398 Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người có yêu cầu¹¹ (chi tiết đề nghị xem Phụ lục số 4 kèm theo).

- Bên cạnh đó, đối với những người di cư tự do từ Lào, Campuchia sang cư trú tại Việt Nam mà chưa đủ điều kiện để nhập quốc tịch Việt Nam theo Điều 22 hay theo thủ tục thông thường thì cũng được áp dụng Luật quốc tịch để giải quyết theo thủ tục đơn giản¹².

Bên cạnh đó, thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, trong năm 2017, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) đã tiến hành thanh tra chuyên ngành về công tác quốc tịch tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (là địa phương phát sinh nhiều nhất các vụ việc về quốc tịch). Việc kiểm tra tình hình triển khai thi hành Luật quốc tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng được kết hợp với công tác kiểm tra đăng ký, quản lý hộ tịch hàng năm.

- Từ năm 2012, Bộ Tư pháp đã xây dựng và đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu về quốc tịch. Cho đến nay, toàn bộ danh sách những người đã được Chủ tịch nước cho nhập, cho trở lại, cho thôi quốc tịch Việt Nam từ những năm 90 thế kỷ trước đã được nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu để phục vụ yêu cầu quản lý cũng như tra cứu thông tin về quốc tịch. Tính từ 2010 đến nay, Bộ Tư pháp đã tra cứu và trả lời kết quả cho trên 14.880 trường hợp yêu cầu tra cứu về quốc tịch (chi tiết đề nghị xem Phụ lục số 5 kèm theo).

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả nêu trên, qua hơn 8 năm thực hiện Luật quốc tịch năm 2008 và các văn bản quy định chi tiết thi hành cho thấy đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế sau đây:

¹⁰ Theo đánh giá của các Câu lạc bộ, những vận động viên nước ngoài nhập quốc tịch Việt Nam tập luyện, thi đấu tốt, tạo nên sự cạnh tranh cao, lành mạnh trong Câu lạc bộ, có nhiều đóng góp và tăng cường sức mạnh cho Câu lạc bộ. Những vận động viên này đều chấp hành pháp luật tốt, không có vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi đấu cho Câu lạc bộ.

¹¹ Việc cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Giấy xác nhận là người gốc quốc tịch Việt Nam được thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA

¹² Đối với người di cư tự do từ Lào thì thực hiện theo *Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước*; đối với người di cư tự do từ Campuchia thì thực hiện theo *Tiểu Đê án "Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước"*.

1.1. Nhiều vấn đề của Luật quốc tịch chưa được hướng dẫn hoặc hướng dẫn còn chung chung gây khó khăn cho việc thực hiện

Thứ nhất, quy định còn chưa rõ dẫn đến có các cách hiểu khác nhau, kể cả cách hiểu không bảo đảm nguyên tắc một quốc tịch, ví dụ:

- Hiện nay chưa có hướng dẫn về cách thức, thời điểm xác định quốc tịch Việt Nam của trẻ em, đặc biệt là trẻ em có một bên cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, nên khi trẻ em sinh ra đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và xác định quốc tịch nước ngoài, thì trẻ em có còn được xác định có quốc tịch Việt Nam nữa hay không? Đây là vấn đề cần được hướng dẫn rõ¹³; hoặc việc xác định quốc tịch Việt Nam cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có một bên hoặc cả hai bên cha mẹ là người không quốc tịch, cũng còn cách hiểu và áp dụng khác nhau nên dẫn đến một số trường hợp trẻ em không được khai sinh và xác định quốc tịch.

- Theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 19 Luật quốc tịch, nhiều người dân hiểu họ có vợ, chồng, cha, mẹ, con là công dân Việt Nam, thì họ thuộc “trường hợp đặc biệt” để được Chủ tịch nước cho giữ quốc tịch nước ngoài khi xin nhập/xin trở lại quốc tịch. Tuy nhiên, thực tế thi hành Luật quốc tịch đã phát sinh vấn đề phức tạp. Trên nguyên tắc một quốc tịch Việt Nam, với tư cách là cơ quan “gác cổng” thẩm định hồ sơ quốc tịch, Bộ Tư pháp thường yêu cầu những người này phải thôi quốc tịch nước ngoài khi xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam, trước khi trình Chủ tịch nước xem xét quyết định. Đa số các trường hợp khi nhận được yêu cầu của Bộ Tư pháp thì đều rút đơn (vì họ không thể từ bỏ quốc tịch nước ngoài, nơi họ đang sinh sống và có nhiều gắn bó hơn về quyền lợi, nghĩa vụ). Nhưng cũng có trường hợp khiếu nại Bộ Tư pháp, vì họ cho rằng việc yêu cầu họ phải thôi quốc tịch nước ngoài là “trái Luật quốc tịch”.

Thứ hai, thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch bộc lộ các hạn chế:

- Chưa có quy định cụ thể để tạo thuận lợi cho người đã mất quốc tịch Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam (theo Điều 7 và Điều 23 Luật quốc tịch); chưa hướng dẫn chi tiết về trình tự và nội dung “xác minh về nhân thân” đối với người xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam; chưa có hướng chi tiết về việc xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam là phải có kết quả xác minh về nhân thân của cơ quan Công an, nên thực tế đã có trường hợp đương sự lợi dụng xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam để bỏ qua thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam¹⁴.

¹³ Về vấn đề này, ý kiến của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao cho rằng trẻ em vẫn có quyền xác định có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, và trẻ được mang hai quốc tịch.

¹⁴ Thực tế khi xem xét trả lời kết quả tra cứu thông tin về quốc tịch, Bộ Tư pháp đã phát hiện có trường hợp do bị từ chối giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam (do không đủ điều kiện), đương sự đã chuyển sang làm thủ tục xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

- Một số quy định còn thiếu tính khả thi, nên gây khó khăn cho các cơ quan Nhà nước khi tiếp nhận các yêu cầu. Ví dụ: đối với người đã về cư trú ổn định tại Việt Nam thì không nên yêu cầu phải có *Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong thời gian đương sự cư trú ở nước ngoài*; yêu cầu phải có *ý kiến đồng ý của cả cha và mẹ* trong việc xin nhập/xin trở lại/xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên đối với các trường hợp cha mẹ đã ly hôn, ly thân, thậm chí cắt đứt liên lạc, không liên hệ với nhau, không biết nơi ở của nhau... là rất khó thực hiện¹⁵.

Thứ ba, cơ chế phối hợp còn hạn chế:

Một số việc quốc tịch có liên quan đến lĩnh vực quản lý của bộ, ngành khác, nhưng chưa có quy định hướng dẫn về cơ chế phối hợp nên hiệu quả quản lý nhà nước về dân cư bị hạn chế. Ví dụ: việc thông báo cho cơ quan công an về việc công dân Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam để xóa đăng ký thường trú, thu hồi Giấy chứng minh nhân dân đã cấp cho người đó trước đây; việc thông báo cho cơ quan đăng ký hộ tịch để ghi chú thay đổi quốc tịch khi người đó xin nhập, xin thôi, trở lại quốc tịch Việt Nam...

1.2. Chưa có định hướng rõ ràng nguyên tắc, quan điểm xử lý những người vừa có quốc tịch Việt Nam vừa có quốc tịch nước ngoài

Mặc dù Luật quốc tịch 2008¹⁶ có 1 điều quy định về giải quyết vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài, nhưng đây chỉ là quy định có tính nguyên tắc, chưa được hướng dẫn cụ thể, tính khả thi không cao, nên thực tế rất bấp cập và nhiều trường hợp phát sinh không có cơ sở để giải quyết.

1.3. Chưa giải quyết dứt điểm được tình trạng quốc tịch của một số đối tượng

Thực tế hiện nay, số lượng người di cư tự do từ các nước có chung đường biên giới với Việt Nam (Campuchia, Lào...) về Việt Nam vẫn tiếp diễn. Trong số đó, có nhiều người có họ tên Việt Nam, nói thạo tiếng Việt...nhưng không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh về quốc tịch, nên các địa phương rất lúng túng trong việc xử lý, việc xác định họ có quốc tịch Việt Nam hay không cũng rất khó khăn.

1.4. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quốc tịch còn hạn chế

¹⁵ Ở đây pháp luật chỉ mới thiên về việc bảo vệ quyền của cha mẹ đối với con, mà chưa chú ý đến quyền lợi đích thực, quyền lợi tốt nhất của đứa trẻ. Bởi trong trường hợp không có đủ ý kiến của cả cha và mẹ thì việc xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam của trẻ em không thể thực hiện được. Một khi không được giải quyết, thì quyền lợi của trẻ em sẽ không được bảo đảm, đặc biệt đối với những trẻ em đã ra nước ngoài sinh sống cùng cha hoặc mẹ.

¹⁶ Điều 12 Luật quốc tịch 2008 quy định: "1. Vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được giải quyết theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trường hợp chưa có điều ước quốc tế thì được giải quyết theo tập quán và thông lệ quốc tế. 2. Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ ký kết hoặc đề xuất việc ký kết, quyết định gia nhập điều ước quốc tế để giải quyết vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài".

Trình tự giải quyết các việc về quốc tịch hướng dẫn tại các văn bản dưới Luật vẫn theo lối thủ công (lập hồ sơ giấy, chuyển qua hệ thống bưu chính), vì vậy, đến nay đã lạc hậu so với việc ứng dụng ngày càng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính ở thời điểm hiện nay.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nhận thức chưa đầy đủ, đúng mức về vai trò, ý nghĩa của chế định quốc tịch, nguyên tắc một quốc tịch; cách hiểu và áp dụng pháp luật về quốc tịch...).

- Luật quốc tịch có nhiều quy định mang tính nguyên tắc, nhưng các văn bản hướng dẫn thi hành lại chưa được cụ thể hóa, một số vấn đề tuy đã được hướng dẫn, nhưng vẫn chung chung, từ đó dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất.

- Công chức, viên chức làm công tác quốc tịch ở Sở Tư pháp, các Cơ quan đại diện phải kiêm nhiệm nhiều việc nên việc giải quyết sự vụ thiếu tính chuyên nghiệp; mặt khác, Viên chức làm công tác lãnh sự tại các Cơ quan đại diện thường xuyên có sự biến động (làm việc theo nhiệm kỳ), nên đã ảnh hưởng đến giải quyết công việc.

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác quốc tịch còn chưa tương xứng với yêu cầu công việc. Hầu hết các thủ tục về quốc tịch đều vẫn được giải quyết theo hướng thủ công, chưa có sự ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giải quyết hồ sơ về quốc tịch.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT QUỐC TỊCH

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trên đây, Bộ Tư pháp xin kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để có đề xuất hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về quốc tịch phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan

- Kết quả: Báo cáo kết quả nghiên cứu

- Thời gian thực hiện: 5 năm (từ năm 2018 - 2023).

2. Sửa đổi Nghị định số 78/2009/NĐ-CP.

Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan

- Kết quả: Nghị định sửa đổi Nghị định số 78/2009/NĐ-CP được Chính phủ thông qua

- Thời gian trình Chính phủ xem xét thông qua: Quý IV năm 2018.

3. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành nhằm giải quyết tốt các vấn đề về quốc tịch

- Tăng cường công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước và UBND cấp tỉnh trong việc giải quyết các hồ sơ quốc tịch, bảo đảm liên thông các thủ tục trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin ở mức tối đa.

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

+ Kết quả: Bảo đảm chặt chẽ, đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ

+ Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Tăng cường phối hợp giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính nhằm triển khai có hiệu quả Tiểu Đề án II về giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu của người dân di cư tự do từ Campuchia về nước (gọi chung là Tiểu Đề án II); xem xét giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam cho những người có đủ điều kiện và cấp các giấy tờ tùy thân khác để họ sớm ổn định cuộc sống.

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và UBND 10 tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia, tỉnh Cà Mau, tỉnh Đồng Nai

+ Kết quả: Người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam cư trú được nhập quốc tịch, cấp giấy tờ hộ tịch, cư trú

+ Thời gian thực hiện: đến năm 2020.

- Tăng cường phối hợp giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính nhằm thực hiện có hiệu quả Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ

Lào về giải quyết vấn đề di cư tự do và kết hôn không giá thú ở khu vực biên giới hai nước

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và UBND 10 tỉnh có chung đường biên giới với Lào

+ Kết quả: Người di cư tự do dọc biên giới Việt Nam – Lào được nhập quốc tịch, cấp giấy tờ hộ tịch, cư trú

+ Thời gian thực hiện: đến năm 2019.

- Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an rà soát, thống kê và có biện pháp xử lý đối với các trường hợp cấp chưa đúng giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam cho người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, bảo đảm việc xác định quốc tịch Việt Nam cho đúng đối tượng; thực hiện nghiêm việc xóa đăng ký thường trú, thu hồi Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân đã cấp cho người đã được thôi quốc tịch Việt Nam.

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Công an

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, UBND các tỉnh/thành phố

+ Kết quả: Danh sách thống kê và đề xuất biện pháp xử lý đối với từng trường hợp

+ Thời gian thực hiện: năm 2018.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quốc tịch

Triển khai sử dụng phân hệ phần mềm trong lĩnh vực quốc tịch và nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc tịch hiện có nhằm cập nhật, khai thác thông tin (nhập, thôi, trở lại quốc tịch Việt Nam) nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; kết nối chia sẻ với các bộ, ngành và địa phương, tạo sự liên thông giữa các cơ quan chức năng trong nước (Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an) và các CQĐD để thuận tiện trong việc tra cứu, xác minh về quốc tịch.

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

+ Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an

+ Kết quả: Cơ sở dữ liệu về quốc tịch được kết nối, chia sẻ với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, CQĐD, UBND

+ Thời gian thực hiện: thường xuyên.

5. Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết để gia nhập các điều ước quốc tế liên quan đến quốc tịch

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ động nghiên cứu, phối hợp Bộ Ngoại giao chuẩn bị các điều kiện cần thiết để gia nhập các điều

ước quốc tế nhằm giải quyết tốt các vấn đề về quốc tịch, về người không quốc tịch (như Công ước 1954 về quy chế người không quốc tịch, Công ước 1961 về hạn chế tình trạng không quốc tịch).

+ Đơn vị chủ trì: Bộ Tư pháp

+ Đơn vị phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao

+ Thời gian thực hiện: 02 năm (năm 2018 và 2019)

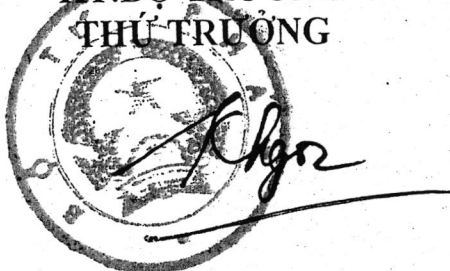
+ Kết quả: Việt Nam gia nhập công ước 1954 về quy chế người không quốc tịch hoặc công ước 1961 về hạn chế tình trạng không quốc tịch.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Luật quốc tịch và văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tư pháp xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng TTCP Trương Hòa Bình (đề b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (đề b/c);
- Văn phòng Chủ tịch nước (đề p/h);
- Văn phòng Chính phủ (đề p/h);
- Bộ Ngoại giao (đề p/h);
- Bộ Công an (đề p/h);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đề p/h);
- Lưu: VT, HTQTCT(3b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Khánh Ngọc

PHU LUC SỐ 1

CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUỐC TỊCH

1. Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (Luật số 56/2014/QH13 ngày 24/6/2014).
3. Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.
4. Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam
5. Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.
6. Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.
7. Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.
8. Thông tư số 03/2015/TT-BTP ngày 01/4/2015 của Bộ Tư pháp quy định điều kiện, trình tự, thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam và đăng ký khai sinh, kết hôn cho người di cư tự do tại các huyện của Việt Nam tiếp giáp với Lào.
9. Thông tư liên tịch số 09/1998/TTLT-BGDĐT-BTP ngày 31/12/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc cấp giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt cho người nước ngoài xin nhập quốc tịch Việt Nam.
10. Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
11. Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng

thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

12. Thông tư số 64/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 hướng dẫn miễn lệ phí quốc tịch, lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú cho người được phép cư trú theo quy định của thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước khi làm các thủ tục về quốc tịch, đăng ký hộ tịch, đăng ký cư trú và các giấy tờ khác liên quan đến nhân thân./.

PHỤ LỤC SỐ 2

THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC VIỆC QUỐC TỊCH
(Từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/3/2017)

Thời gian	Nhập QTVN		Thôi QTVN		Trở lại QTVN	
	Thành niên	Chưa thành niên	Thành niên	Chưa thành niên	Thành niên	Chưa thành niên
01/7/2009 – 31/12/2009	23	2	5.647	721	1	0
Năm 2010	420	28	8.211	651	9	0
Năm 2011	1.390	91	12.031	1.763	1	1
Năm 2012	1.366	454	6.075	828	6	0
Năm 2013	1.022	9	6.268	1.270	9	0
Năm 2014	167	6	5.616	897	11	0
Năm 2015	4	11	4.171	765	17	0
Năm 2016	2	20	4.824	901	11	0
01/01/2017 – 31/3/2017	10	0	1.472	204	5	0
Tổng:	4.404	621	54.315	8.000	70	1

PHỤ LỤC SỐ 3

**SỐ VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO ĐƯỢC NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Từ 01/7/2009 - 31/3/2017)**

Năm	Số vận động viên được nhập QTVN	Nghề nghiệp của vận động viên		Tình trạng thi đấu			Ghi chú
		Vận động viên bóng đá	Vận động viên bóng chuyền	Đang thi đấu cho các Câu lạc bộ tại Việt Nam	Đã dừng thi đấu tại Việt Nam	Đã xuất cảnh	
01/7 - 31/12/2009	1	0	1	0	0	1	
2010	5	5	0	1	3	1	
2011	5	4	1	0	3	2	
2012	3	3	0	1	2	1	
2013	4	3	1	2	2	2	
2014	0	0	0	0	0	0	
2015	0	0	0	0	0	0	
2016	3	2	1	3	0	0	
01/01 - 31/3/2017	1	1	0	1	0	0	
Tổng số	22	18	4	8	10¹	7	

¹: Trong số 10 vận động viên đã dừng thi đấu có 07 người đã xuất cảnh khỏi Việt Nam, 03 người đang ở Việt Nam và chuyển sang công việc khác.

PHỤ LỤC SỐ 4

**THỐNG KÊ VIỆC CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM,
XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM
(Từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/3/2017)**

Thời gian	Xác nhận là người có quốc tịch Việt Nam	Xác nhận là người gốc Việt Nam
I	<i>Trong nước</i>	
01/7/2009 – 31/12/2009	0	0
Năm 2010	73	6
Năm 2011	151	11
Năm 2012	286	12
Năm 2013	500	65
Năm 2014	642	91
Năm 2015	670	103
Năm 2016	646	203
01/01/2017 - 31/3/2017	77	20
	3.045	511
II	<i>Tại Cơ quan đại diện VN ở nước ngoài</i>	
Từ 01/7/2009- 31/3/2017	12.013	887
Tổng (I+II)	15.058	1.398

PHỤ LỤC SỐ 5

KẾT QUẢ TRA CỨU QUỐC TỊCH VIỆT NAM
Từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/3/2017

Thời gian	Số lượng	Ghi chú
01/7 – 31/12/2009	0	
2010	58	
2011	980	
2012	1643	
2013	2383	
2014	3381	
2015	2673	
2016	4.171	
01/01 – 31/3/2017	336	
Tổng	14.883	